

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 124/2018/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2018

Ha Noi, 16 March 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **15/03/2018**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.500	4,9%
2	ASM	310	0,2%
3	BID	370	1,0%
4	BMP	80	0,4%
5	BVH	130	0,7%
6	CII	400	0,9%
7	CTD	60	0,7%
8	CTG	810	1,9%
9	DCM	280	0,2%
10	DHG	100	0,7%
11	DPM	310	0,5%
12	DRC	120	0,2%
13	DXG	420	1,0%
14	FLC	1.190	0,5%
15	FPT	930	3,8%
16	GAS	200	1,6%
17	GMD	350	0,8%



18	GTN	350	0,3%
19	HBC	230	0,7%
20	HCM	100	0,5%
21	HPG	1.700	7,0%
22	HSG	480	0,8%
23	HUT	400	0,2%
24	ITA	1.100	0,2%
25	KBC	820	0,8%
26	KDC	250	0,7%
27	MBB	2.110	4,9%
28	MSN	950	6,0%
29	MWG	450	3,5%
30	NKG	90	0,2%
31	NLG	190	0,4%
32	NT2	180	0,4%
33	NVL	370	2,0%
34	PDR	190	0,5%
35	PNJ	150	1,7%
36	PVD	430	0,6%
37	PVS	400	0,6%
38	REE	410	1,1%
39	ROS	250	2,3%
40	SAB	210	3,0%
41	SBT	710	0,9%
42	SHB	1.900	1,7%
43	SSI	760	2,0%
44	STB	3.500	3,8%
45	VCB	730	3,6%
46	VCG	100	0,2%
47	VCS	100	1,7%
48	VIC	1.660	11,4%
49	VJC	430	5,9%
50	VNM	670	9,6%
II	Tiền/Cash	13.521.524 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1.479.962.800 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF</i>	1.494.060.324 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value</i>	13.521.524 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

8	MBB	34.800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	MWG	115.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	NLG	34.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	PNJ	172.400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	40.800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (15/03/2018)	Kỳ này/This Period (14/03/2018)	Chênh lệch/Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	14.920	14.920	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	144.923.851.460	144.349.326.695	574.524.765
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	1.494.060.324	1.488.137.388	5.922.936
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	14.940,60	14.881,37	59,23
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1733,29	1739,73	-6,44

Đại diện tổ chức

Organization representative



4

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC